

Lâm Đồng, ngày 13 tháng 11 năm 2025

Số: 48 /BC-HCC

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công

Thực hiện Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công theo thời gian thực trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Trung tâm Phục vụ hành chính công báo cáo kết quả Cổng Dịch vụ công quốc gia ghi nhận trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/7/2025 đến ngày 13/11/2025, cụ thể như sau:

1. Về cách tính điểm đạt được của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và cách xếp loại cụ thể như sau:

a) Theo Quyết định số 766/QĐ-TTg thì tổng điểm đánh giá, xếp loại cho các đơn vị theo thang điểm 100 và **xếp loại theo điểm số đạt được (xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu) không đặt nặng xếp hạng vị trí theo thứ tự**. Bộ chỉ số đánh giá bao gồm 05 nhóm chỉ số, cụ thể như sau:

- Công khai, minh bạch: 18/100 điểm.
- Tiến độ, kết quả giải quyết: 20/100 điểm.
- Cung cấp dịch vụ trực tuyến: 22/100 điểm.
- Mức độ hài lòng: 18/100 điểm.
- Số hóa hồ sơ: 22/100 điểm.

b) Cách tính điểm cụ thể đối với từng nhóm chỉ số trong Bộ chỉ số như sau:

- Đối với các sở, ban ngành tỉnh: Điểm nhóm chỉ số thứ i = (tỷ lệ đạt được của nhóm chỉ số thứ i * Mức điểm tối đa của nhóm chỉ số thứ i)/100. Ví dụ: Tại thời điểm đánh giá, xếp loại, Sở A đạt 75% của nhóm chỉ số “Số hóa hồ sơ” thì điểm đánh giá đối với nhóm chỉ số “Số hóa hồ sơ” của Sở A = $75 \times 22 / 100 = 16.5$ điểm. Điểm đánh giá, phân loại của đơn vị là tổng số điểm của các nhóm chỉ số.

- Đối với UBND cấp xã: Lấy tổng số điểm mà UBND cấp xã đạt được trên tổng số 100 điểm tại thời điểm xếp loại để đánh giá, xếp loại (điểm số tổng hợp 05 tiêu chí của UBND cấp xã đã được tính sẵn và công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

c) Kết quả đánh giá, phân loại như sau:

- Từ 90 đến 100 điểm xếp loại: Xuất sắc (Màu xanh)

- Từ 80 đến dưới 90 điểm xếp loại: Tốt (Màu xanh nhạt)
- Từ 70 đến dưới 80 điểm xếp loại: Khá (Màu vàng)
- Từ 50 đến dưới 70 điểm xếp loại: Trung bình (Màu cam)
- Dưới 50 điểm xếp loại: Yếu (Màu đỏ)
- Màu xám do không có hồ sơ, dữ liệu hoặc chưa thực hiện.

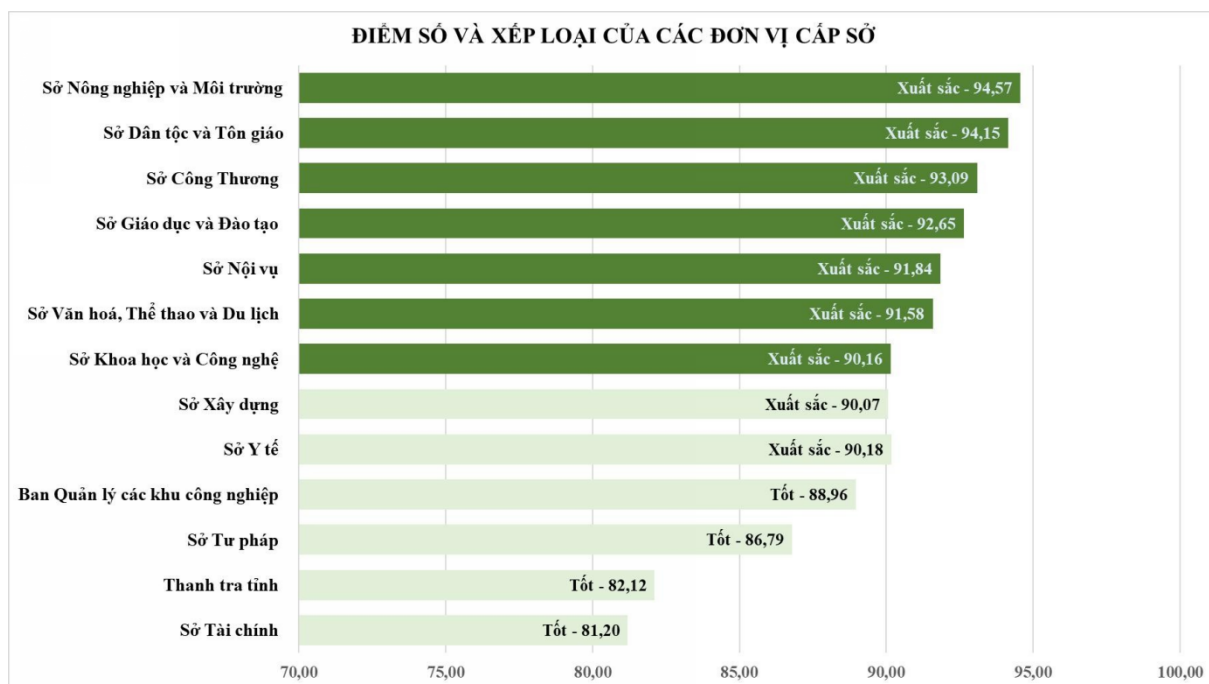
2. Kết quả thực hiện

2.1. Kết quả của tỉnh: đến thời điểm báo cáo, tỉnh Lâm Đồng đạt 89.05 điểm (tăng 0.37 điểm so với kỳ báo cáo trước), xếp loại tốt và xếp hạng 15/34 tỉnh, thành phố. Qua theo dõi kết quả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia từ ngày 1/7/2025 đến hiện tại nhận thấy, điểm đánh giá của tỉnh tăng đều qua các kỳ báo cáo (tháng 7/2025 đạt 81.46 điểm), tuy nhiên thứ hạng thì dao động từ vị trí thứ 10/34 đến 15/34 tỉnh, thành phố.

2.2. Các Sở, ban, ngành

Căn cứ điểm xếp loại trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, có 09 Sở đạt xếp loại xuất sắc, 04 đơn vị xếp loại tốt. Đơn vị có điểm đánh giá cao nhất là Sở Nông nghiệp và Môi trường (94.57 điểm), 03 đơn vị có điểm đánh giá thấp nhất là Sở Tài chính (81.2 điểm), Thanh tra tỉnh (82.12 điểm), Sở Tư pháp (86.89 điểm)

Sở Tài chính đã khắc phục được lỗi đồng bộ hồ sơ từ các Hệ thống của Bộ Tài chính với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, tuy nhiên vẫn còn nhiều sai lệch về dữ liệu, dẫn đến việc đánh giá trên Cổng dịch vụ công quốc gia cho Sở Tài chính là chưa chính xác với thực tế triển khai thực hiện.



2.3 Các xã, phường, đặc khu Phú quý

Căn cứ điểm xếp loại trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, có 124/124 (100%) đơn vị cấp xã xếp loại xuất sắc. Địa phương có điểm đánh giá cao nhất là UBND Phường

1 Bảo Lộc, UBND xã Quảng Lập, UBND xã Đam Rông 3 (94.62 điểm), các địa phương có điểm đánh giá thấp là UBND xã Tân Hà – Lâm Hà (91.24 điểm) UBND xã Đắc Mil (90.96 điểm), UBND xã Tà Hine (90.51 điểm), UBND xã Đinh Trang Thượng (90.44 điểm), UBND xã Hàm Tân (90.22 điểm).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

3. Nhận xét đánh giá

Trong thời gian vận hành chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025 đến nay, để đạt được kết quả “phủ xanh bản đồ thể chế” các sở, ngành, địa phương đã có sự nỗ lực, cố gắng khắc phục, tháo gỡ vướng mắc trong việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt là các đơn vị xếp loại xuất sắc và có điểm số đánh giá cao như **Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân Phường 1 Bảo Lộc**, các đơn vị còn có tổng số điểm ở mức thấp hơn, xếp loại dưới xuất sắc như: Sở Tài chính (81.2 điểm, loại tốt), Thanh tra tỉnh (82.12 điểm, loại tốt) cần tiếp tục tìm hiểu nguyên nhân, có phương án cải thiện trong thời gian tới.

4. Nguyên nhân, giải pháp khắc phục

4.1 Nguyên nhân

a) Người đứng đầu một số Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đầy đủ, quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới Bộ chỉ số, chưa có sự thống nhất trong cách hiểu, cách đánh giá của Bộ chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-TTg.

b) Trong giai đoạn đầu vận hành chính quyền 02 cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn gặp khó khăn trong xử lý, tiếp nhận, giải quyết TTHC (Bộ TTHC có sự thay đổi do 28 Nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, thao tác xử lý hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh còn chưa thành thạo.....)

c) Việc đồng bộ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Hệ thống chuyên ngành (Hệ thống của Bộ Tài chính, CSDL dân cư, CSDL Hộ tịch....) với Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa có sự thống nhất dẫn đến điểm đánh giá của các chỉ số của Bộ chỉ số chưa chính xác và đúng với kết quả thực hiện của các đơn vị, địa phương. Ví dụ tỷ lệ “Số hóa hồ sơ”, trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh ghi nhận cao nhưng Cổng dịch vụ công quốc gia ghi nhận thấp.

4.2. Giải pháp khắc phục

a) 100% hồ sơ thủ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; 100% hồ sơ phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đối với những thủ tục tiếp nhận trên hệ thống do các bộ, ngành quản lý thì phải được đồng bộ hồ sơ, kết quả, tiến trình giải quyết về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia theo quy định.

b) Khẩn trương rà soát, tái cấu trúc lại quy trình giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo nâng tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, kho dữ liệu thủ tục hành chính tổ chức, cá nhân trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

c) Kết nối, đồng bộ, chia sẻ thông tin dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành do các Bộ, ngành đang quản lý (nhất là các thủ tục phát sinh nhiều hồ sơ lĩnh vực Đăng ký kinh doanh, Cấp mã quan hệ ngân sách)

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, Công Dịch vụ quốc gia ghi nhận trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/7/2025 đến ngày 13/11/2025. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh xin báo cáo lãnh đạo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu Phú Quý;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- LĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Tuấn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày 13 tháng 11 năm 2025)

I. Kết quả của tỉnh

STT	Nội dung	Kết quả		
		Tỷ lệ	Điểm	Thứ hạng
I	Công khai minh bạch		15.38	15/34
1	Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn	71.96	4.32	
2	Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn	76.43	3.06	
3	Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của TTHC	100	2	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	100	6	
II	Tiến độ, kết quả giải quyết		18.86	15/34
III	Cung cấp dịch vụ trực tuyến			
1	Dịch vụ trực tuyến		8.24	15/34
a	Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến	96.38	2	
b	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4.62	0.24	
c	Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ	75.36	6	
2	Thanh toán trực tuyến		9.44	15/34
a	Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến	58.97	1.47	
b	Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	78.92	1.97	
c	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	100	6	
IV	Số hóa hồ sơ		19.31	18/34
1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	81.07	4.86	
2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa hồ sơ	72.59	3.64	
3	Tỷ lệ hồ sơ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	70.73	1.77	
4	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	100	2	
5	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng	91.43	3.65	

STT	Nội dung	Kết quả		
		Tỷ lệ	Điểm	Thứ hạng
6	Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC	98.23	1.97	
7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	69.13	1.38	
V	Mức độ hài lòng		17.76	15/34
	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	100	6	
	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	96	5.76	
	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	94.38	6	
CHỈ SỐ CHUNG		89.05	89.05	15/34

II. Kết quả xếp loại các sở, ban, ngành

TT	Tên đơn vị	Điểm	Xếp loại	Tăng ()/Giảm (-) điểm so với kỳ báo cáo 06/11/2025	Tăng ()/Giảm (-) vị trí
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng	94.57	Xuất sắc	0.34	0
2	Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng	94.15	Xuất sắc	0.17	0
3	Sở Công Thương - Tỉnh Lâm Đồng	93.09	Xuất sắc	0.45	0
4	Sở Giáo dục và Đào tạo - Tỉnh Lâm Đồng	92.65	Xuất sắc	0.98	1
5	Sở Nội vụ - Tỉnh Lâm Đồng	91.84	Xuất sắc	0.1	-1
6	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch - Tỉnh Lâm Đồng	91.58	Xuất sắc	0.63	0
7	Sở Y tế - Tỉnh Lâm Đồng	90.18	Xuất sắc	1.2	2
8	Sở Khoa học và Công nghệ - Tỉnh Lâm Đồng	90.16	Xuất sắc	-0.02	-1
9	Sở Xây dựng - Tỉnh Lâm Đồng	90.07	Xuất sắc	0.11	-1
10	Ban Quản lý các khu công nghiệp - Tỉnh Lâm Đồng	88.96	Tốt	0.72	0
11	Sở Tư pháp - Tỉnh Lâm Đồng	86.79	Tốt	0.67	0
12	Thanh tra tỉnh - Tỉnh Lâm Đồng	82.12	Tốt	1.17	0
13	Sở Tài chính - Tỉnh Lâm Đồng	81.2	Tốt	2.58	0

- 02 đơn vị: tăng điểm, tăng vị trí;
- 08 đơn vị: tăng điểm, không thay đổi vị trí;
- 01 đơn vị: tăng điểm, giảm vị trí;

- 01 đơn vị: giảm điểm, giảm vị trí;

III. Kết quả đánh giá, phân loại các xã, phường, đặc khu Phú Quý

TT	Tên đơn vị	Điểm	Xếp loại	Tăng ()/ giảm (-) điểm so với kỳ báo cáo 06/11/2025	Tăng ()/ Giảm (-) vị trí
1	UBND Phường 1 Bảo Lộc	94.62	Xuất sắc	-0.08	0
2	UBND Xã Quảng Lập	94.62	Xuất sắc	-0.04	0
3	UBND Xã Đam Rông 3	94.62	Xuất sắc	0.3	2
4	UBND Xã Cát Tiên 2	94.44	Xuất sắc	0.06	0
5	UBND Phường Bình Thuận	94.4	Xuất sắc	-0.06	-2
6	UBND Phường Phước Hội	94.38	Xuất sắc	0.08	0
7	UBND Xã Cát Tiên 3	94.35	Xuất sắc	0.11	0
8	UBND Xã Cát Tiên	94.32	Xuất sắc	0.42	6
9	UBND Phường 3 Bảo Lộc	94.32	Xuất sắc	0.11	0
10	UBND Xã Tân Hải	94.3	Xuất sắc	0.06	-2
11	UBND Xã Đơn Dương	94.26	Xuất sắc	0.34	2
12	UBND Phường La Gi	94.26	Xuất sắc	0.14	-1
13	UBND Xã Đức Linh	94.25	Xuất sắc	0.48	12
14	UBND Phường Phú Thủy	94.25	Xuất sắc	0.4	4
15	UBND Đặc khu Phú Quý	94.24	Xuất sắc	0.08	-5
16	UBND Xã Bảo Lâm 5	94.24	Xuất sắc	0.37	-1
17	UBND Xã Bắc Bình	94.19	Xuất sắc	0.33	0
18	UBND Xã Đam Rông 4	94.19	Xuất sắc	0.41	5
19	UBND Xã Tuyên Quang	94.11	Xuất sắc	0.31	3
20	UBND Xã Hàm Thuận Bắc	94.07	Xuất sắc	0.27	1
21	UBND Xã Đa Têh	94.06	Xuất sắc	0.25	-2
22	UBND Xã Phú Sơn - Lâm Hà	94.03	Xuất sắc	0.53	12
23	UBND Xã Bảo Lâm 1	94.03	Xuất sắc	0.3	4
24	UBND Xã DRan	94.03	Xuất sắc	0.39	4
25	UBND Xã Tân Minh	94.02	Xuất sắc	0.4	4
26	UBND Xã Đắc Song	94.02	Xuất sắc	0.54	10
27	UBND Xã Bảo Lâm 4	93.97	Xuất sắc	0.05	-15
28	UBND Xã Quảng Phú	93.95	Xuất sắc	0.47	9
29	UBND Xã Quảng Hòa	93.87	Xuất sắc	0.49	12
30	UBND Xã Nam Đà	93.87	Xuất sắc	0.34	3

TT	Tên đơn vị	Điểm	Xếp loại	Tăng ()/ giảm (-) điểm so với kỳ báo cáo 06/11/2025	Tăng ()/ Giảm (-) vị trí
31	UBND Xã Ka Đô	93.87	Xuất sắc	0	-15
32	UBND Xã Hoài Đức	93.85	Xuất sắc	0.04	-12
33	UBND Xã Trường Xuân	93.84	Xuất sắc	0.06	-9
34	UBND Xã Nam Dong	93.83	Xuất sắc	0.41	4
35	UBND Xã Krông Nô	93.83	Xuất sắc	0.23	-5
36	UBND Xã Đạ Huoai 3	93.82	Xuất sắc	0.49	7
37	UBND Xã Tánh Linh	93.81	Xuất sắc	0.31	-2
38	UBND Phường Langbiang - Đà Lạt	93.79	Xuất sắc	0.06	-12
39	UBND Xã Lương Sơn	93.77	Xuất sắc	0.44	5
40	UBND Phường Phan Thiết	93.77	Xuất sắc	0.39	0
41	UBND Xã Bắc Ruộng	93.75	Xuất sắc	0.16	-10
42	UBND Xã Đam Rông 2	93.73	Xuất sắc	0.44	5
43	UBND Xã Đam Rông 1	93.71	Xuất sắc	0.49	14
44	UBND Xã Quảng Trục	93.71	Xuất sắc	0.31	-5
45	UBND Xã Hòa Bắc	93.67	Xuất sắc	0.32	-3
46	UBND Xã Đông Giang	93.61	Xuất sắc	0.37	5
47	UBND Phường Tiến Thành	93.59	Xuất sắc	0.06	-15
48	UBND Xã Kiên Đức	93.59	Xuất sắc	0.36	6
49	UBND Xã Sơn Mỹ	93.59	Xuất sắc	0.52	22
50	UBND Phường Bắc Gia Nghĩa	93.55	Xuất sắc	0.32	2
51	UBND Xã Nghị Đức	93.54	Xuất sắc	0.27	-2
52	UBND Xã Sơn Điền	93.51	Xuất sắc	0.22	-4
53	UBND Xã Đồng Kho	93.51	Xuất sắc	0.37	9
54	UBND Xã Vĩnh Hào	93.5	Xuất sắc	0.18	-9
55	UBND Xã Hải Ninh	93.49	Xuất sắc	0.32	4
56	UBND Xã Bảo Lâm 2	93.47	Xuất sắc	0.41	16
57	UBND Xã Cư Jút	93.47	Xuất sắc	0.24	-4
58	UBND Phường Mũi Né	93.47	Xuất sắc	0.35	7
59	UBND Xã Quảng Khê	93.46	Xuất sắc	0.29	1
60	UBND Xã Nâm Nung	93.44	Xuất sắc	0.14	-14
61	UBND Xã Đạ Huoai 2	93.43	Xuất sắc	0.34	7
62	UBND Phường 2 Bảo Lộc	93.38	Xuất sắc	0.16	-7

TT	Tên đơn vị	Điểm	Xếp loại	Tăng ()/ giảm (-) điểm so với kỳ báo cáo 06/11/2025	Tăng ()/ Giảm (-) vị trí
63	UBND Xã Tân Thành	93.37	Xuất sắc	0.24	1
64	UBND Xã Tân Lập	93.36	Xuất sắc	0.15	-6
65	UBND Xã Đức Trọng	93.35	Xuất sắc	0.26	4
66	UBND Phường Hàm Thắng	93.35	Xuất sắc	0.35	11
67	UBND Xã Hồng Thái	93.34	Xuất sắc	0.41	12
68	UBND Xã Nhân Cơ	93.32	Xuất sắc	0.46	15
69	UBND Xã Suối Kiết	93.31	Xuất sắc	0.4	12
70	UBND Phường BLao	93.3	Xuất sắc	0.26	3
71	UBND Xã Đạ Tẻh 2	93.3	Xuất sắc	0.26	3
72	UBND Xã Đắc Sắk	93.3	Xuất sắc	0.08	-16
73	UBND Xã Đắc Wil	93.26	Xuất sắc	0.14	-7
74	UBND Xã Trà Tân	93.24	Xuất sắc	0.31	6
75	UBND Xã Nam Thành	93.22	Xuất sắc	0.28	3
76	UBND Xã Phan Rí Cửa	93.22	Xuất sắc	0.09	-13
77	UBND Xã Đạ Huoai	93.2	Xuất sắc	0.19	-1
78	UBND Xã Hàm Thuận Nam	93.2	Xuất sắc	0.17	-3
79	UBND Xã Tà Năng	93.18	Xuất sắc	0.08	-12
80	UBND Xã Đạ Tẻh 3	93.17	Xuất sắc	0.48	7
81	UBND Xã Hàm Thạnh	93.17	Xuất sắc	-0.08	-31
82	UBND Xã Bảo Lâm 3	93.15	Xuất sắc	0.26	0
83	UBND Xã Thuận An	93.14	Xuất sắc	-0.02	-22
84	UBND Xã Tà Đùng	93.13	Xuất sắc	0.31	0
85	UBND Xã Tuy Đức	93.13	Xuất sắc	0.04	-15
86	UBND Xã Hòa Ninh	92.98	Xuất sắc	0.27	0
87	UBND Xã Liên Hương	92.96	Xuất sắc	0.29	2
88	UBND Phường Xuân Trường - Đà Lạt	92.94	Xuất sắc	0.44	5
89	UBND Xã Hòa Thắng	92.82	Xuất sắc	0.25	2
90	UBND Xã Phúc Thọ - Lâm Hà	92.8	Xuất sắc	0.2	0
91	UBND Phường Nam Gia Nghĩa	92.78	Xuất sắc	0.11	-3
92	UBND Xã Đức Lập	92.77	Xuất sắc	0.38	3
93	UBND Phường Lâm Viên - Đà Lạt	92.74	Xuất sắc	0.47	5
94	UBND Xã Nam Ban - Lâm Hà	92.73	Xuất sắc	0.17	-2

TT	Tên đơn vị	Điểm	Xếp loại	Tăng ()/ giảm (-) điểm so với kỳ báo cáo 06/11/2025	Tăng ()/ Giảm (-) vị trí
95	UBND Phường Cam Ly - Đà Lạt	92.65	Xuất sắc	-0.15	-10
96	UBND Xã La Dạ	92.63	Xuất sắc	0.4	4
97	UBND Xã Đức An	92.62	Xuất sắc	0.32	-1
98	UBND Phường Đông Gia Nghĩa	92.59	Xuất sắc	0.39	3
99	UBND Xã Bảo Thuận	92.59	Xuất sắc	0.48	3
100	UBND Xã Tuy Phong	92.58	Xuất sắc	0.48	3
101	UBND Xã Quảng Tân	92.58	Xuất sắc	0.6	4
102	UBND Xã Hàm Thuận	92.57	Xuất sắc	0.29	-5
103	UBND Xã Hiệp Thạnh	92.48	Xuất sắc	0.25	-4
104	UBND Xã Hàm Liêm	92.46	Xuất sắc	0.52	3
105	UBND Xã Nam Hà - Lâm Hà	92.46	Xuất sắc	0.44	-1
106	UBND Xã Thuận Hạnh	92.42	Xuất sắc	-0.03	-12
107	UBND Xã Phan Sơn	92.34	Xuất sắc	0.7	6
108	UBND Xã Quảng Tín	92.21	Xuất sắc	0.35	1
109	UBND Xã Đinh Văn - Lâm Hà	92.18	Xuất sắc	0.21	-3
110	UBND Xã Gia Hiệp	92.17	Xuất sắc	0.36	1
111	UBND Xã Di Linh	92.12	Xuất sắc	0.32	1
112	UBND Xã Quảng Sơn	92.01	Xuất sắc	0.19	-2
113	UBND Xã Tân Hội	91.98	Xuất sắc	0.44	1
114	UBND Xã Lạc Dương	91.96	Xuất sắc	0.52	1
115	UBND Xã Hàm Kiệm	91.96	Xuất sắc	0.03	-7
116	UBND Phường Xuân Hương - Đà Lạt	91.64	Xuất sắc	0.58	1
117	UBND Xã Hồng Sơn	91.58	Xuất sắc	0.33	-1
118	UBND Xã Sông Lũy	91.27	Xuất sắc	0.43	0
119	UBND Xã Ninh Gia	91.27	Xuất sắc	0.76	3
120	UBND Xã Tân Hà - Lâm Hà	91.24	Xuất sắc	0.44	-1
121	UBND Xã Đắc Mil	90.96	Xuất sắc	0.42	-1
122	UBND Xã Tà Hine	90.51	Xuất sắc	0.47	1
123	UBND Xã Đinh Trang Thượng	90.44	Xuất sắc	-0.07	-2
124	UBND Xã Hàm Tân	90.2	Xuất sắc	0.98	0

- 62 đơn vị cấp xã: Tăng điểm, tăng vị trí;
- 41 đơn vị cấp xã: Tăng điểm, giảm vị trí;

- 12 đơn vị cấp xã: Tăng điểm, không thay đổi vị trí;
 - 04 đơn vị cấp xã: Giảm điểm, tăng vị trí;
 - 06 đơn vị cấp xã: Giảm điểm, giảm vị trí;
 - 02 đơn vị cấp xã :Giảm điểm, không thay đổi vị trí.
-